

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 332/2024/DS-PT
Ngày: 19-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Kha Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Trần Thị Thu T1, sinh năm 1977;

2. Trần Minh H, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ngô Trung H1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Trần Thị Thu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Kha Thị T là chị Trần Thị Kim P trình bày: Bà T1 và ông H là vợ chồng. Bà T và bà T1 có quen biết nhau. Bà T1 làm đầu thảo hụi, bà T là hụi viên, có tham gia hụi do bà T1 là chủ hụi như sau:*

- Loại hụi 3.000.000đồng/phần, vào ngày 15/9/2021 (âm lịch), có 25 phần, 01 tháng khui 01 lần, bà T tham gia 01 phần, bà T đã đóng được 23 kỳ hụi sống/phần với số tiền là 69.000.000đồng.

- Loại hụi ngày 1.000.000đồng/phần, vào ngày 25/4/2023 (âm lịch), có 40 phần, 01 ngày khui 01 lần, bà T tham gia 04 phần, bà T đã đóng cho bà T1 đến mãn 40 kỳ hụi sống/phần, với số tiền tổng cộng tiền vốn hụi của 04 phần là 144.000.000đồng. Khi nhận đủ số tiền 144.000.000đồng, bà T1 có viết biên nhận và ký tên “Quyên” với nội dung: “Chị B vô hụi ngày 15/3/2023 (âm lịch) 144.000.000 đồng.

Như vậy hiện nay bà T1 còn nợ bà T tổng cộng 213.000.000đồng.

Bà T bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với loại hụi ngày 1.000.000đồng/phần vào ngày 15/3/2023 âm lịch, có 40 phần, bà T tham gia 05 phần đóng được số tiền 180.000.000đồng, đủ luôn một lần. Sau đó bà T1, ông H kêu bẻ hụi vào tháng 6/2023 cũng không giao hụi ngày cho bà T.

Nay bà T yêu cầu giải quyết:

- Yêu cầu bà Trần Thị Thu T1 và ông Trần Minh H liên đới trả cho bà T số tiền là 213.000.000đồng (Hai trăm mười ba triệu đồng), không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Sau đó bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi mở ngày 15/9/2021 âm lịch chỉ yêu cầu bà T1 và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 25/4/2023 với số tiền là 144.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu bà T1 và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền của dây hụi ngày 15/3/2023 với số tiền là 180.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn bà Trần Thị Thu T1, ông Trần Minh H đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T1, ông H không đến cũng không có ý kiến trình bày.*

Tại Bản án sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 273, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Buộc bà Trần Thị Thu T1 và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kha Thị T tổng số tiền là 324.000.000 đồng [(Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng, trong đó có 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) của dây hụi ngày 25/4/2023 Â (âm lịch) và số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của dây hụi ngày 15/3/2023 Â (âm lịch)].

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu T1 và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Kha Thị T số tiền là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) của dây hụi ngày 15/9/2021 (âm lịch).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 22/3/2024, bị đơn Trần Thị Thu T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của TAND huyện G, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ đồng ý trả nguyên đơn số tiền 190.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị Thu T1 có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm bà T1 cung cấp giấy xác nhận tiền nợ giữa bà T và bà T1 thống nhất là 190.000.000 đồng. Phía đại diện ủy quyền của bà T cũng thừa nhận giấy xác nhận nợ hai bên đã thống nhất số tiền nợ của bà T1 là 190.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu T1. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Trần Thị Thu T1 thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự là đúng qui định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Thị Thu T1 trả số tiền nợ hụi 190.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định thời gian từ năm 2021 đến năm 2023 bà Kha Thị T có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị Thu T1 làm chủ thảo, cụ thể:

Dây thứ 1: Hụi khai ngày 25/4/2023, loại hụi 1.000.000đ/tháng, có 40 phần, bà T tham gia 4 phần, bà T đã đóng hụi cho bà T1 đến mãn hụi 40 kỳ hụi sống/phần, với số tiền vốn hụi là 144.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hụi khai ngày 15/3/2023, loại hụi 1.000.000đồng/tháng, có 40 phần, bà T tham gia 5 phần, đóng được số tiền 180.000.000 đồng. Đến tháng 6/2023 bà T1 tuyên bố vỡ hụi và không giao tiền hụi của 02 dây hụi trên cho bà T. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là giấy nhận nợ do bà T1 viết và ký tên. Do đó, án sơ thẩm xác định giữa bà Kha Thị T và bà Trần Thị Thu T1 xác lập hợp đồng góp hụi theo qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng góp hụi giữa bà Kha Thị T và bà Trần Thị Thu T1, thấy rằng:

Việc góp hụi giữa các bên được thực hiện từ năm 2021 tại thời điểm tham gia hợp đồng góp hụi các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bị đơn không trình bày ý kiến và không tham dự hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và buộc bị đơn Trần Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả cho bà Kha Thị T số tiền 324.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà T1 chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 190.000.000 đồng, xét thấy:

Bị đơn Trần Thị Thu T1 cung cấp giấy biên nhận ngày 21/3/2024 nội dung: “*Tôi tên Trần Thị Thu T1 có thiếu chị Kha Thị T tổng cộng tiền hết là 190.000.000 đồng*”. Biên nhận có chữ ký của bà Kha Thị T và chữ ký Trần Thị Thu T1. Đồng thời, phía dưới chữ ký của bà T, bà T1 còn có dòng chữ viết “*Trần Thị Thu T1 chỉ có thiếu tôi Kha Thị T là 190.000.000đồng. Từ trước đến nay, bà T1 chỉ thiếu tôi một trăm chín mươi triệu này thôi ngoài ra không thiếu khoản tiền nào khác*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà T1 trả số tiền 190.000.000 đồng và thừa nhận giấy xác nhận nợ ngày 21/3/2024 hai bên đã thống nhất số nợ của bà T1 là 190.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 244, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thu T1. Sửa Bản án sơ thẩm số 92/2024/DSST ngày 08/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện G.

Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hội, biểu, phường. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thị Thâm .

- Buộc bà Trần Thị Thu T1 và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kha Thị T tổng số tiền là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu T1 và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Kha Thị T số tiền là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) của dây hội ngày 15/9/2021 (âm lịch).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí: Bà Trần Thị Thu T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009326 ngày 22/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Bà Trần Thị Thu T1 phải chịu 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại bà Kha Thị T số tiền 5.325.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012667 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G.
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy